



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO
DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29/05/2020.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/12/2006 với mã chứng khoán là EBS.

Vốn điều lệ: 102.194.840.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2020: 102.194.840.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 26%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Nhà D tầng 2 khu VP Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0243.7925308
Fax: (84) 0243.7925309
- Website: www.sachgiaoduchanoi.vn

Công ty con: Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 62,93%;
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 62,93%.

Công ty liên kết: Công ty CP Phát hành sách Giáo Dục

- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách;
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 21,82%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 21,82%.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2020 là 53 người, trong đó, cán bộ quản lý là 14 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|--------------|--|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Ông Ngô Anh Phương | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2020 |
| • Bà Lâm Quỳnh Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Bà Ngô Thị Thanh Huyền | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Bà Ngô Phương Anh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Ông Tô Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Ông Phạm Quỳnh | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/06/2019
Miễn nhiệm ngày 17/04/2020 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 17/04/2020 |
|-----------------------|------------|--------------------------|

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|--------------------|------------|--|
| • Bà Đặng Thị Như | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
Miễn nhiệm ngày 17/04/2020 |
| • Ông Trần Văn Quế | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Bà Lý Thúy Lan | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2020 |

Ban Tổng Giám đốc và Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ

- | | | |
|-------------------------|-------------------------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02/09/2019 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27/06/2019 |
| • Bà Nguyễn Thị Hoa | Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ | Bổ nhiệm ngày 02/09/2019 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 299/2021/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 15/03/2021 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Phan Văn Sĩ – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4040-2017-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01-DN/HN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		132.361.355.540	128.988.819.261
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.320.281.263	11.152.860.020
1. Tiền	111		7.320.281.263	9.152.860.020
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.104.094.042	21.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	1.104.094.042	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	21.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		108.442.035.002	68.719.797.768
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	38.825.283.283	59.463.059.319
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.258.917.110	234.946.613
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	42.220.000.000	14.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	33.355.219.860	930.520.999
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(7.217.385.251)	(5.908.729.163)
IV. Hàng tồn kho	140	12	15.350.587.463	27.477.808.570
1. Hàng tồn kho	141		19.370.823.352	28.493.014.432
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.020.235.889)	(1.015.205.862)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		144.357.770	638.352.903
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	143.823.796	638.352.903
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		533.974	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.264.252.292	26.806.192.068
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.920.238.518	3.544.380.624
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	3.920.238.518	3.544.380.624
II. Tài sản cố định	220		1.261.295.081	2.388.593.595
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.261.295.081	2.379.843.595
- Nguyên giá	222		6.365.965.300	6.765.483.482
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.104.670.219)	(4.385.639.887)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	-	8.750.000
- Nguyên giá	228		63.000.000	63.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.000.000)	(54.250.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.955.780.652	9.740.998.023
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.b	7.376.930.652	7.475.222.165
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.c	2.750.000.000	2.750.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6.c	(171.150.000)	(484.224.142)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.126.938.041	11.132.219.826
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	10.126.938.041	11.132.219.826
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		157.625.607.832	155.795.011.329

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C. Nợ phải trả	300		19.299.862.985	22.717.189.043
I. Nợ ngắn hạn	310		19.238.583.738	22.671.189.043
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	9.221.036.238	11.134.192.028
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		154.593.802	4.418.282
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	17	1.005.936.048	261.210.378
4. Phải trả người lao động	314		3.487.813.279	3.714.392.796
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.661.896.828	7.129.928.139
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	479.069.656	206.554.606
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	3.000.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		228.237.887	220.492.814
II. Nợ dài hạn	330		61.279.247	46.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	46.000.000	46.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	15.279.247	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		138.325.744.847	133.077.822.286
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	138.325.744.847	133.077.822.286
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	669.277.482	669.277.482
3. Cổ phiếu quỹ	415	22	(2.116.606.556)	(2.116.606.556)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	13.903.512.418	13.796.544.605
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	16.293.589.791	18.533.766.755
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.247.279.314	8.077.604.948
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.046.310.477	10.456.161.807
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	22	7.381.131.712	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		157.625.607.832	155.795.011.329



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

TP. Kế toán – Tài vụ

Nguyễn Thị Hoa

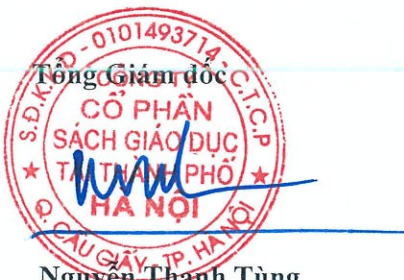
Người lập biểu

Nguyễn Quỳnh Hoa

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	114.445.725.003	170.371.851.063
2. Các khoản giảm trừ	02		228.963.820	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		114.216.761.183	170.371.851.063
4. Giá vốn hàng bán	11	24	96.075.519.182	117.749.776.478
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		18.141.242.001	52.622.074.585
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	12.466.883.798	1.262.185.565
7. Chi phí tài chính	22	26	190.966.159	316.021.605
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		210.181.824	51.712.463
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh	24		(98.291.513)	169.674.366
9. Chi phí bán hàng	25	27.a	13.122.387.107	27.163.090.905
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	7.864.386.348	13.338.951.396
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.332.094.672	13.235.870.610
12. Thu nhập khác	31		19.001.067	29.627.741
13. Chi phí khác	32	28	61.286.601	40.260.039
14. Lợi nhuận khác	40		(42.285.534)	(10.632.298)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.289.809.138	13.225.238.312
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.262.087.702	2.769.076.505
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		15.279.247	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8.012.442.189	10.456.161.807
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	30	8.046.310.477	10.456.161.807
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(33.868.288)	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	807	1.028
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	807	1.028



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

TP. Kế toán – Tài vụ

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Quỳnh Hoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03-DN/HN

Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.289.809.138	13.225.238.312
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	14,15	900.242.996	933.481.440
- Các khoản dự phòng	03		4.000.611.973	5.019.879.135
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.907.687.147)	(1.431.859.931)
- Chi phí lãi vay	06	26	210.181.824	51.712.463
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		11.493.158.785	17.798.451.419
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.103.326.590	4.273.678.934
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.122.191.080	12.464.182.276
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.880.013.833)	(518.569.822)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.499.810.892	1.044.112.679
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(1.104.094.042)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	26,19	(162.716.071)	(53.368.458)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(870.000.000)	(3.149.915.816)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		36.000.000	269.486.431
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(242.190.555)	(1.248.368.431)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.995.472.846	30.879.689.212
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	14	(67.800.000)	-
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		259.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(49.220.000.000)	(35.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		42.000.000.000	1.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(30.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25,10	2.751.131.488	958.426.660
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.277.577.603)	(32.541.573.340)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		7.415.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		27.436.169.026	1.417.800.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(24.436.169.026)	(3.222.092.730)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	22	(9.965.474.000)	(9.965.474.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		449.526.000	(11.769.766.730)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ				
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	50		(3.832.578.757)	(13.431.650.858)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	5	11.152.860.020	24.584.510.878
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	5	7.320.281.263	11.152.860.020

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

TP. Kế toán – Tài vụ



Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu



Nguyễn Quỳnh Hoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29/05/2020.

1.1. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con được hợp nhất: Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 62,93%;
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 62,93%.

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109314156 ngày 18/08/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

- Tên Công ty: Công ty CP Phát hành sách Giáo Dục;
- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách;
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 21,82%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 21,82%.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***4.6 Tài sản cố định hữu hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.7 Tài sản cố định vô hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty được phân bổ vào chi phí như sau:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Chi phí bán thảo phân bổ dài hạn trong khoảng thời gian có hiệu lực của hợp đồng căn cứ vào số lượng thực tế in và tỷ lệ thầu quy định.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ phản ánh khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với lịch block và các tấm pin năng lượng; 5% đối với các loại từ điển và sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa; Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế phải nộp theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP của Chính Phủ.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	12.211.283	294.864.176
Tiền gửi ngân hàng	7.308.069.980	8.857.995.844
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng	-	2.000.000.000
Cộng	7.320.281.263	11.152.860.020

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI TP HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu VP Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến

P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. Các khoản đầu tư**a. Chứng khoán kinh doanh**

STT	31/12/2020				01/01/2020			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
A Cổ phiếu niêm yết								
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	40	685.477	1.564.000	-	-	-	-	-
B Cổ phiếu chưa niêm yết								
Công ty CP Than Cao Sơn-TKV (*)	128.100	1.103.408.565	-	-	-	-	-	-
Cộng	128.140	1.104.094.042	1.564.000	-	-	-	-	-

(*) Cổ phiếu này chưa đăng ký giao dịch tại các Sở Giao dịch chứng khoán, Công ty cũng không có nguồn dữ liệu đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này. Do đó, Công ty trình bày cổ phiếu này theo giá gốc, không trích lập dự phòng vì không xác định được giá trị hợp lý.

b. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2020		01/01/2020	
	Tỷ lệ vốn	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty CP Phát hành sách giáo dục	21,82%	7.376.930.652		7.475.222.165
Cộng		7.376.930.652		7.475.222.165

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI TP HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu VP Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến

P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng Cổ phiếu	31/12/2020		01/01/2020	
			Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Công ty CP DV XB Giáo dục Hà Nội	3,00%	75.000	750.000.000	171.150.000	750.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam (i)	1,84%	200.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	484.224.142
Cộng			2.750.000.000	171.150.000	2.750.000.000	484.224.142

(i) Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty này có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư này được ghi bằng giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	15.499.167.950	-
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	2.456.560.360	4.137.116.982
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	6.681.130.120	7.081.130.120
Công ty CP Xây dựng Công trình Hồng Lâm	3.557.455.981	-
Các đối tượng khác	10.630.968.872	48.244.812.217
Cộng	38.825.283.283	59.463.059.319

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh	2.456.560.360	4.137.116.982
Công ty CP Sách Đại Học - Dạy Nghề	Chung công ty đầu tư	-	700.000.000
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư	276.853.330	20.143.400
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư	623.576.354	700.209.524
Công ty CP Sách & TBTH Hà Tây	Chung công ty đầu tư	896.351.090	575.960.660
Công ty CP Phát hành Sách Giáo Dục	Công ty liên kết	15.499.167.950	-
Cộng		19.752.509.084	6.133.430.566

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	1.035.697.110	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	100.000.000
Các đối tượng khác	223.220.000	134.946.613
Cộng	1.258.917.110	234.946.613

Trong đó: Trả trước cho người bán là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư	1.035.697.110	-
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư	-	53.998.500
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	100.000.000
Cộng		1.035.697.110	153.998.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Đầu tư CMC (bên liên quan)	-	14.000.000.000
Công ty CP Đại Dương Solar (bên liên quan)	40.220.000.000	-
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam (bên liên quan)	2.000.000.000	-
Cộng	42.220.000.000	14.000.000.000

➤ Cho Công ty CP Đại Dương Solar vay theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay	Ngày	Thời hạn	Lãi suất	Số tiền cho vay
Số 01-DD-ESE/2020/HĐVV	10/16/2020	6 tháng	9,5%/năm	11.000.000.000
Số 02-DD-ESE/2020/HĐVV	10/22/2020	6 tháng	9,5%/năm	2.500.000.000
Số 03-DD-ESE/2020/HĐVV	11/4/2020	6 tháng	9,5%/năm	5.000.000.000
Số 04-DD-ESE/2020/HĐVV	11/16/2020	6 tháng	9,5%/năm	2.000.000.000
Số 05-DD-ESE/2020/HĐVV	11/16/2020	6 tháng	9,5%/năm	5.000.000.000
Số 06-DD-ESE/2020/HĐVV	11/20/2020	6 tháng	9,5%/năm	5.800.000.000
Số 07-DD-ESE/2020/HĐVV	11/25/2020	6 tháng	9,5%/năm	920.000.000
Số 08-DD-ESE/2020/HĐVV	11/26/2020	6 tháng	9,5%/năm	1.000.000.000
Số 09-DD-ESE/2020/HĐVV	12/8/2020	6 tháng	9,5%/năm	3.000.000.000
Số 10-DD-ESE/2020/HĐVV	12/16/2020	6 tháng	9,5%/năm	1.000.000.000
Số 11-DD-ESE/2020/HĐVV	12/17/2020	6 tháng	9,5%/năm	1.000.000.000
Số 13-DD-ESE/2020/HĐVV	12/25/2020	6 tháng	9,5%/năm	2.000.000.000
Cộng				40.220.000.000

Các hợp đồng cho vay này được đảm bảo bằng thế chấp bằng tài sản hình thành từ đầu tư nhà máy điện mặt trời của Công ty CP Đại Dương Solar tại Ấp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau và nhà máy điện mặt trời tại Thị trấn Gành Hào, Huyện Đông Hải, Tỉnh Bạc Liêu.

➤ Cho Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam vay theo hợp đồng vay vốn số 12-PN-ESE/2020/HĐVV ngày 21/12/2020: Số tiền cho vay theo hợp đồng là 2.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày 21/12/2020 đến ngày 21/06/2021. Lãi suất cho vay là 9,5%. Hợp đồng cho vay này được đảm bảo bằng thế chấp bằng tài sản hình thành từ đầu tư nhà máy điện mặt trời của Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam tại Ấp Tham Troi, Huyện Trần Văn Thời, Tỉnh Cà Mau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	630.940.548	-	340.328.768	-
Tạm ứng	2.110.000.000	-	328.829.000	-
Phải thu Nhà xuất bản GD Việt Nam (*)	200.000.000	-	200.000.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	46.549.983	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Hòa (**)	30.000.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	367.729.329	-	61.363.231	-
Cộng	33.355.219.860	-	930.520.999	-

(*) Theo Hợp đồng góp vốn số 1E/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty và Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam), 2 bên đã thống nhất thực hiện vốn góp để xây dựng công trình cao tầng tại quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc dự án "Xây dựng Trung tâm xuất bản- Phát hành Sách giáo khoa". Tổng vốn góp dự kiến là 220 tỷ đồng, trong đó: Phần vốn góp của Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội là 15%. Đến ngày 31/12/2020, Công ty mới góp 200 triệu đồng. Cho đến nay, dự án này đang tạm dừng đầu tư.

(**) Là khoản tiền phải thu về chuyển nhượng cổ phần theo các hợp đồng chuyển nhượng:

- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 15/12/2020 về việc chuyển nhượng 500.000 cổ phần tại Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam mà Công ty đang nắm giữ cho Bà Nguyễn Thị Hòa với giá 5.000.000.000 đồng.
- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 15/12/2020 về việc chuyển nhượng 500.000 cổ phần tại Công ty CP Năng lượng EBS Solar Khánh An mà Công ty đang nắm giữ cho Bà Nguyễn Thị Hòa với giá 5.000.000.000 đồng.
- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 15/12/2020 về việc chuyển nhượng 2.000.000 cổ phần tại Công ty CP Đại Dương Solar mà Công ty đang nắm giữ cho Bà Nguyễn Thị Hòa với giá 20.000.000.000 đồng.

b. Dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP In Sách Giáo khoa tại TP. Hà Nội (*)	3.920.238.518	-	3.544.380.624	-
Cộng	3.920.238.518	-	3.544.380.624	-

(*) Góp vốn với Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và một số công ty khác thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010, Phụ lục số 01/2013/PLHĐGV ngày 01/11/2013, Phụ lục 01/2014/PLHĐGV ngày 01/07/2014, trong đó: Phần vốn góp của Công ty chiếm tỷ lệ 25%. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí dự án. Đến thời điểm hiện tại, dự án chưa đi vào hoạt động, các bên thống nhất tìm đối

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

tượng để chuyển nhượng dự án.

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn thanh toán:	7.217.385.251	5.908.729.163
- Từ 3 năm trở lên	1.217.001.612	1.175.132.916
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.013.700.559	268.852.899
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	986.683.080	4.096.747.769
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	367.995.579
Cộng	7.217.385.251	5.908.729.163

12. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	698.571.897	131.806.379	3.086.439.962	-
Chi phí SX, KD dở dang	9.932.199.369	-	11.853.269.314	-
Thành phẩm	7.642.310.631	3.725.464.724	12.335.015.534	1.008.089.044
Hàng hóa	1.097.741.455	162.964.786	1.218.289.622	7.116.818
Cộng	19.370.823.352	4.020.235.889	28.493.014.432	1.015.205.862

Không có hàng tồn kho dùng cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả vào ngày 31/12/2020.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Phí quản lý xuất bản	-	99.896.237
Phí bản thảo chế bản	143.823.796	83.080.000
Phí bản quyền	-	410.460.000
Chi phí khác	-	44.916.666
Cộng	143.823.796	638.352.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí thuê kho tại khu CN Nam Thăng Long	732.954.546	1.142.045.455
Thuê dài hạn VP lô số D-2.1 dự án	9.332.199.295	9.583.854.103
Chi phí tổ chức bán thảo	-	133.734.306
Các khoản khác	61.784.200	272.585.962
Cộng	10.126.938.041	11.132.219.826

- (*) Thuê dài hạn văn phòng theo Hợp đồng số 000997/2014/HĐTVVP/VC1 ngày 17/09/2014 giữa Công ty và Công ty CP Xây dựng số 1 (Vinaconex 1); Thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15/10/2014; Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thuê với tổng số tiền đã thanh toán là 11.962.650.000 đồng (bao gồm 10% GTGT) vào năm 2014.

14. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	187.869.455	4.320.488.899	2.257.125.128	6.765.483.482
Mua trong năm	-	-	67.800.000	67.800.000
Thanh lý, nhượng bán	-	467.318.182	-	467.318.182
Số cuối năm	187.869.455	3.853.170.717	2.324.925.128	6.365.965.300
Khấu hao				
Số đầu năm	66.173.812	2.672.822.354	1.646.643.721	4.385.639.887
Khấu hao trong năm	37.573.879	546.541.716	307.377.401	891.492.996
Thanh lý, nhượng bán	-	172.462.665	-	172.462.665
Số cuối năm	103.747.691	3.046.901.406	1.954.021.122	5.104.670.219
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	121.695.643	1.647.666.545	610.481.407	2.379.843.595
Số cuối năm	84.121.764	806.269.311	370.904.006	1.261.295.081

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 942.546.815 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình nào hiện đang cầm cố để đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	63.000.000	63.000.000
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	63.000.000	63.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	54.250.000	54.250.000
Khấu hao trong năm	8.750.000	8.750.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	63.000.000	63.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	8.750.000	8.750.000
Số cuối năm	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 63.000.000 đồng.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	3.342.965.217	1.493.963.738
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	-	4.882.184.798
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	779.528.400	1.170.802.460
Các đối tượng khác	5.098.542.621	3.587.241.032
Cộng	9.221.036.238	11.134.192.028

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc Công ty đầu tư	-	156.351.420
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	3.342.965.217	1.493.963.738
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	779.528.400	1.170.802.460
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	28.940.000	83.080.000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	126.897.250	-
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết	-	4.882.184.798
Cộng		4.278.330.867	7.786.382.416

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	69.032.536	43.178.901	86.454.071	-	25.757.366
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	115.674.984	1.262.087.702	870.000.000	-	507.762.686
Thuế thu nhập cá nhân	-	76.502.858	1.367.373.805	971.460.667	-	472.415.996
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	261.210.378	2.675.640.408	1.930.914.738	-	1.005.936.048

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Trích trước hoa hồng môi giới	1.642.135.908	6.643.261.345
Trích trước phí bản thảo chế bản	-	41.929.734
Các khoản trích trước khác	19.760.920	444.737.060
Cộng	1.661.896.828	7.129.928.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	75.235.987	92.671.916
Cổ tức phải trả	24.812.690	24.702.690
Lãi vay phải trả	47.465.753	
Phải trả khác	331.555.226	89.180.000
Cộng	479.069.656	206.554.606

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền ký cược của các Nhà sách	46.000.000	46.000.000
Cộng	46.000.000	46.000.000

20. Vay và thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	-	27.436.169.026	24.436.169.026	3.000.000.000
- Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (bên liên quan)	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	-	24.436.169.026	24.436.169.026	-
Cộng	-	27.436.169.026	24.436.169.026	3.000.000.000

- Vay Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục theo Hợp đồng cho vay vốn số 01-ECI-ESE/2020/HĐVV ngày 15/10/2020: Số tiền cho vay theo hợp đồng là 3.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 3 tháng kể từ ngày 15/10/2020 đến ngày 15/01/2021. Lãi suất cho vay là 7,5%. Hợp đồng cho vay này được đảm bảo thế chấp bằng 406.500 cổ phiếu ECI của Bà Ngô Anh Thư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
Thuế suất sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	15.279.247	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	15.279.247	-

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát
Số dư tại 01/01/2019	102.194.840.000	669.277.482	2.116.606.556	13.796.544.605	18.043.188.948	-
Tăng trong năm	-	-	-	-	10.456.161.807	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	9.965.584.000	-
Số dư tại 31/12/2019	102.194.840.000	669.277.482	2.116.606.556	13.796.544.605	18.533.766.755	-
Số dư tại 01/01/2020	102.194.840.000	669.277.482	2.116.606.556	13.796.544.605	18.533.766.755	-
Tăng trong năm	-	-	-	106.967.813	-	7.415.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	8.046.310.477	-
Lỗ trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(33.868.288)
Giảm trong năm	-	-	-	-	10.286.487.441	-
Số dư tại 31/12/2020	102.194.840.000	669.277.482	2.116.606.556	13.903.512.418	16.293.589.791	7.381.131.712

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	25.911.000.000	25.911.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	73.744.840.000	73.744.840.000
Cổ phiếu quỹ	2.539.000.000	2.539.000.000
Cộng	102.194.840.000	102.194.840.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu phổ thông	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	253.900	253.900
- Cổ phiếu phổ thông	253.900	253.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.965.584	9.965.584
- Cổ phiếu phổ thông	9.965.584	9.965.584
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	18.533.766.755	18.043.188.948
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.046.310.477	10.456.161.807
Phân phối lợi nhuận	10.286.487.441	9.965.584.000
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	10.286.487.441	9.965.584.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	106.967.813	-
- Chia cổ tức	9.965.584.000	9.965.584.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	213.935.628	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	16.293.589.791	18.533.766.755

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 101/SGDHN ngày 17/04/2020

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông ngày 17/04/2020 đã thông qua tỷ lệ cổ tức năm 2019 là 10%. Công ty đã chi trả số cổ tức này trong năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu sách tham khảo	97.997.215.848	167.177.290.542
Doanh thu thiết bị giáo dục	1.544.638.354	2.752.041.500
Doanh thu văn phòng phẩm, khác	642.146.488	442.519.021
Doanh thu biên tập	495.039.330	-
Doanh thu bán pin và máy biến áp	13.766.684.983	-
Cộng	114.445.725.003	170.371.851.063

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn sách tham khảo	77.867.796.082	114.520.565.526
Giá vốn thiết bị giáo dục	1.042.789.695	2.302.742.640
Giá vốn văn phòng phẩm, khác	697.103.378	326.513.546
Giá vốn bán pin và máy biến áp	13.462.800.000	-
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.005.030.027	599.954.766
Cộng	96.075.519.182	117.749.776.478

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.408.064.768	899.185.565
Cổ tức, lợi nhuận được chia	633.678.500	363.000.000
Lãi do mua bán chứng khoán	9.425.140.530	-
Cộng	12.466.883.798	1.262.185.565

26. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	210.181.824	51.712.463
Lỗ do mua bán chứng khoán	293.858.477	-
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	(313.074.142)	264.309.142
Cộng	190.966.159	316.021.605

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân viên bán hàng	7.587.739.619	11.487.423.490
Chi phí hoa hồng môi giới	1.123.004.938	7.075.480.095
Chi phí vận chuyển sách, bốc xếp	423.245.591	2.100.567.627
Chi phí thuê kho	452.727.272	491.740.945
Chi phí khác	3.535.669.687	6.007.878.748
Cộng	13.122.387.107	27.163.090.905

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân viên quản lý	2.787.099.136	3.186.939.342
Khấu hao TSCĐ	577.706.908	933.481.440
Sửa chữa thường xuyên, công cụ dụng cụ	251.654.808	251.654.808
Chi phí khác	2.939.269.408	4.811.260.579
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	1.308.656.088	4.155.615.227
Cộng	7.864.386.348	13.338.951.396

28. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
Tiền phạt theo biên bản thanh tra thuế	-	24.836.902
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	35.764.608	-
Các khoản khác	25.521.993	15.423.137
Cộng	61.286.601	40.260.039

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.289.809.138	13.225.238.312
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(274.896.982)	199.617.291
Điều chỉnh tăng	340.198.347	732.291.657
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	245.535.496	707.454.755
+ Tiền phạt thuế, tiền phạt vi phạm hành chính	-	24.836.902
+ Lỗ tại Công ty con	91.350.744	-
+ Lỗ nội bộ đã thực hiện	3.312.107	-
Điều chỉnh giảm	615.095.329	532.674.366
+ Lãi/lỗ đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(98.291.513)	169.674.366
+ Cổ tức được nhận	633.678.500	363.000.000
+ Lỗ nội bộ chưa thực hiện	22.225.886	-
+ Hoàn nhập dự phòng đã trích lập	57.482.456	-
Tổng thu nhập chịu thuế	9.014.912.156	13.424.855.603
Chuyển lỗ tại Công ty con	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	9.014.912.156	13.424.855.603
Thuế TNDN phải nộp	1.802.982.431	2.684.971.122
Thuế TNDN được giảm theo NĐ 114/2020/NĐ-CP	540.894.729	-
Thuế TNDN còn phải nộp	1.262.087.702	2.684.971.122
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.262.087.702	2.769.076.505
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	1.262.087.702	2.684.971.122
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	-	84.105.383

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.784.982.815	36.214.179.709
Chi phí nhân công	10.374.838.755	14.674.362.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	900.242.997	933.481.440
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.243.392.950	70.941.032.657
Chi phí khác bằng tiền	4.073.171.926	7.487.319.508
Cộng	80.376.629.443	130.250.376.146

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***31. Lãi cơ bản suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	8.046.310.477	10.456.161.807
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(213.935.628)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	213.935.628
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.046.310.477	10.242.226.179
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.965.584	9.965.584
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	807	1.028

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh các sản phẩm giáo dục và bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, ít phát sinh các khoản vay; hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Ngoài ra Công ty còn bán lẻ thu tiền ngay cho các khách lẻ thông qua cửa hàng. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.221.036.238	-	9.221.036.238
Chi phí phải trả	1.661.896.828	-	1.661.896.828
Vay và nợ thuê tài chính	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Phải trả khác	403.833.669	46.000.000	449.833.669
Cộng	14.286.766.735	46.000.000	14.332.766.735
01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	11.134.192.028	-	11.134.192.028
Chi phí phải trả	7.129.928.139	-	7.129.928.139
Phải trả khác	113.882.690	46.000.000	159.882.690
Cộng	18.378.002.857	46.000.000	18.424.002.857

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.320.281.263	-	7.320.281.263
Đầu tư tài chính	1.104.094.042	2.578.850.000	3.682.944.042
Phải thu khách hàng	31.607.898.032	-	31.607.898.032
Phải thu về cho vay	42.220.000.000	-	42.220.000.000
Phải thu khác	31.245.219.860	3.920.238.518	35.165.458.378
Cộng	113.497.493.197	6.499.088.518	119.996.581.715
01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.152.860.020	-	11.152.860.020
Đầu tư tài chính	21.000.000.000	2.265.775.858	23.265.775.858
Phải thu khách hàng	53.554.330.156	-	53.554.330.156
Phải thu về cho vay	14.000.000.000	-	14.000.000.000
Phải thu khác	601.691.999	3.544.380.624	4.146.072.623
Cộng	100.308.882.175	5.810.156.482	106.119.038.657

34. Thông tin về các bên liên quan**a. Các bên liên quan**

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại Học - Dạy Nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBTH Hà Tây	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư CMC	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh
Công ty CP Đại Dương Solar	Công ty có liên quan của Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2020	Năm 2019
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Phí đăng ký xuất bản	96.631.818	16.400.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Quản lý xuất bản	2.187.211.846	5.604.834.904
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Tổ chức bản thảo	4.541.046.359	3.160.875.400
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	7.135.747.960	12.384.841.620
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua sách tham khảo	921.876.154	3.152.447.750
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	460.849.750	1.045.399.000
Công ty CP Sách Đại Học - Dạy Nghề	Mua sách tham khảo	-	188.615.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Mua sách tham khảo	-	50.770.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua sách tham khảo	15.836.600	716.652.700
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Mua vật tư, phí bản quyền STK	20.128.043.816	30.594.674.851
Bán hàng			
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cung ứng sách	792.044.880	154.603.200
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng sách	7.027.622.020	4.968.256.560
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	5.344.334.669	9.856.775.240
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	133.952.500	-
Công ty CP Sách Đại Học - Dạy Nghề	Cung ứng sách	-	2.522.978.500
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Cung ứng sách	1.598.453.330	1.497.809.880
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cung ứng sách	2.355.364.150	945.920.070
Công ty CP Sách & TBTH Hà Tây	Cung ứng sách	2.987.318.350	-
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Cung ứng sách	65.224.913.880	4.304.620.161
Công ty CP Đại Dương Solar	Bán máy biến áp	1.441.725.000	-
Giao dịch khác			
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Vay	3.000.000.000	-
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam	Cho vay	2.000.000.000	-
Công ty CP Đại Dương Solar	Cho vay	45.220.000.000	-
	Thu tiền cho vay	5.000.000.000	-

c. Các giao dịch khác

	Năm 2020	Năm 2019
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	1.774.290.199	2.934.704.585

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải giải trình hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Đây là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Do vậy, số liệu so sánh được lập dựa trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ (đã được kiểm toán bởi AAC) và thực hiện các bút toán điều chỉnh hợp nhất liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty liên kết. Cụ thể:

Bảng cân đối kế toán	31/12/2019	01/01/2020	Chênh lệch	Ghi chú
	(Báo cáo Công ty mẹ)	(Báo cáo tài chính hợp nhất)		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.400.000.000	7.475.222.165	5.075.222.165	(3)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.458.544.590	18.533.766.755	5.075.222.165	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	3.172.057.149	8.077.604.948	4.905.547.799	(2)
- LNST chưa phân phối kỳ này	10.286.487.441	10.456.161.807	169.674.366	(1)
	Năm 2019	Năm 2019		
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(Báo cáo Công ty mẹ)	(Báo cáo tài chính hợp nhất)	Chênh lệch	Ghi chú
Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh	-	169.674.366	169.674.366	(1)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.286.487.441	10.456.161.807	169.674.366	(1)

- (1) Trình bày tăng Chi tiêu “ Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết”, số tiền: 169.674.366 đồng tương ứng với phần lãi trong kết quả kinh doanh năm 2019 cũng như điều chỉnh cho cổ tức nhận được trong kỳ của Công ty liên kết. Ảnh hưởng của việc trình bày này dẫn đến Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 tăng một lượng tương ứng với số tiền là 169.674.366 đồng.
- (2) Trình bày tăng Chi tiêu “ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước”, số tiền: 4.905.547.799 đồng tương ứng với phần lãi/lỗ trong kết quả kinh doanh lũy kế từ khi năm 2016 (năm đầu tư) đến đầu năm 2019 của Công ty liên kết.
- (3) Ảnh hưởng của việc trình bày lại theo chỉ tiêu (1) và (2) dẫn đến trình bày tăng Chi tiêu “ Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết”, số tiền: 5.075.222.165 đồng.



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

TP. Kế toán – Tài vụ

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Quỳnh Hoa